TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/02/2018
"V/v Tranh chấp HNGĐ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Quyên**.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Triệu Duy Tỏi** và bà **Nguyễn Thị Lý**.
- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện.
- Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thuỷ** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án, Toà án nhân dân huyện Thanh Miện mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 211/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc "*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Khúc Văn B**, sinh năm 1987.
HKTT: Phú Mễ, Tứ Cường, Thanh Miện, Hải Dương.
2. Bị đơn: Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1988.
HKTT: thôn P, xã T, huyện T, Hải Dương.
Chỗ ở: thôn T, xã C, Thanh Miện, Hải Dương.
Anh B có mặt, chị H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình khai tại Toà án và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Khúc Văn B trình bày:

* Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 02/3/2015.

Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng đi làm tự do, thuê nhà trọ ở khu vực Hà Nội sinh sống, đến ngày nghỉ mới về quê thăm gia đình hai bên. Vợ chồng chung sống vui vẻ, hòa thuận được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, mỗi khi xảy ra mâu thuẫn, chị H không nói chuyện, không quan tâm tới thái độ, cuộc sống của anh. Tháng 3/2017, do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, anh không ở nhà trọ cùng chị H nữa, anh ra ngoài sống. Hai ngày sau, anh chủ động về nhà, đi chợ, nấu cơm chờ vợ đi làm về để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng khi về, chị H lại tự nấu cơm ăn riêng; Tình trạng vợ chồng không được cải thiện nên anh lại bỏ ra ngoài sống, sau đó anh đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng chị H không hợp tác. Vợ chồng đã chính thức ly thân từ tháng 3/2017 đến nay, hai bên không

còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

* Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Khúc Vũ Minh A, sinh ngày 06/11/2015 hiện con ở với chị H. Anh được biết quan điểm của chị H xin nuôi con, anh đồng ý. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 3/2017 (thời điểm vợ chồng ly thân) đến hết tháng 12/2017 là 2.000.000đ/1 tháng, phương thức cấp dưỡng một lần. Từ tháng 01/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Anh không chấp nhận mức cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng, phương thức cấp dưỡng một lần/năm (trả vào đầu năm) theo yêu cầu của chị H.

* Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc với Tòa án, bị đơn chị Vũ Thị H trình bày:

*Về quan hệ vợ chồng: Về điều kiện, thời gian kết hôn như anh B trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà và làm ăn ở thành phố Hà Nội. Vợ chồng vui vẻ, hòa thuận đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế, như cách chi tiêu, quản lý kinh tế trong gia đình. Thời gian chị sinh con, chị phải nghỉ việc ở nhà, không có thu nhập, con chung thường xuyên ốm đau nhưng anh B không hỗ trợ chị về kinh tế để chị trang trải cuộc sống. Chị luôn trong tình trạng phải cố gắng, phải nhẫn nhịn để giữ êm ấm gia đình. Mỗi khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị muốn tâm sự, chia sẻ với chồng về những khó khăn nhưng anh B đều gạt đi, không lắng nghe chị nói, vợ chồng không hiểu nhau, không thông cảm cho nhau. Tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Khoảng tháng 3/2017, do vợ chồng không thống nhất được với nhau về vấn đề kinh tế nên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau, anh B thu dọn đồ đạc bỏ mẹ con chị để ra ngoài sống. Từ đó chị phải nuôi con một mình, anh B không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ, con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh B xin ly hôn, lúc đầu chị không đồng ý vì thương con, chị chỉ chấp nhận ly hôn khi anh B đáp ứng yêu cầu của chị về việc cấp dưỡng nuôi con. Sau đó chị thay đổi quan điểm, chị xác định vợ chồng có về đoàn tụ thì cuộc sống cũng không được cải thiện. Mặc dù anh B đã có thiện chí hàn gắn nhưng chị xác định vợ chồng có đoàn tụ cũng không thể tổ chức được cuộc sống hạnh phúc nên chị đề nghị Toà án giải quyết để đường ai lấy đi.

*Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung như anh B trình bày. Chị xin nuôi con và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đ/1 tháng kể từ tháng 3/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng 1 lần/năm (vào tháng 1 hàng năm). Theo chị, hiện nay chi phí cho việc nuôi con hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng, gồm: tiền mua bỉm, sữa, sinh hoạt hàng ngày, tiền thuê người trông nom, chăm sóc... Chị cho rằng việc yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con 3.000.000 đồng/tháng là hợp lý.

*Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà: Anh B giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Anh trình bày hiện nay anh đã nộp đơn xin chấm dứt hợp đồng tại nơi anh đang làm việc, lý do xin chấm dứt hợp đồng do môi trường làm việc độc hại, ảnh hưởng đến sức khoẻ, sau khi nộp đơn thì một tháng sau anh sẽ nhận được văn bản chấm dứt hợp

đồng (tức ngày 20/3/2018), hiện anh không có tài liệu, chứng cứ gì để nộp cho Toà án vì khi anh nộp đơn, phía Công ty muốn giữ người nên không cung cấp cho anh tài liệu, chứng cứ về việc anh đã nộp đơn xin nghỉ việc. Thời gian tới do anh chưa sắp xếp được việc làm nên anh chỉ có điều kiện để cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS; anh B nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của BLTTDS; chị H vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 là vi phạm các quy định của BLTTDS;

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Khúc Văn B được ly hôn chị Vũ Thị H.

Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Vũ Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Khúc Vũ Minh A, sinh ngày 06/11/2015. Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 3/2017 đến tháng 12/2017 là 2.000.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng một lần.

Từ tháng 01/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi là 1.500.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh B, chị H không yêu cầu nên không phải giải quyết.

Về án phí: Anh B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1- Về tố tụng: Chị Vũ Thị H đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Toà án xét xử vụ án vắng mặt chị theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

2- Về nội dung:

[2.1] *Quan hệ hôn nhân*: Anh Khúc Văn B và chị Vũ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tứ Cường ngày 02/3/2015, đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh B, chị H thừa nhận sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời điểm vợ chồng chính thức ly thân; anh chị xác định vợ chồng không thể tổ chức được cuộc sống chung hạnh phúc. Sau khi anh B khởi kiện ly hôn, chị H không đồng ý ly hôn vì anh, chị không thống nhất với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên sau đó chị H đề xuất với Toà án giải quyết việc ly hôn để

đường ai lấy đi cho hai bên ổn định cuộc sống. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn của anh B, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do chị H vắng mặt tại phiên toà nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B: xử cho anh Khúc Văn B được ly hôn chị Vũ Thị H, phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Quan hệ con chung*: Anh B, chị H có một con chung là Khúc Vũ Minh A, sinh ngày 06/11/2015. Chị H xin nuôi con, anh B nhất trí. Tuy nhiên, anh, chị không thỏa thuận với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con. Xét anh chị đều có việc làm, mức thu nhập tương đối ổn định: Theo tài liệu anh B, chị H cung cấp cho Toà án thì mức thu nhập thời điểm tháng 10/2017 của anh B khoảng 11.000.000 đồng; của chị H khoảng 16.000.000 đồng. Mặc dù tại phiên toà, anh B trình bày điều kiện có thể gặp khó khăn trong tương lai vì anh đã nộp đơn xin chấm dứt hợp đồng với Công ty anh đang làm việc nhưng anh không xuất trình được tài liệu, chứng cứ liên quan để chứng minh. Vì vậy, chấp nhận sự tự nguyện của anh B cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 3/2017 đến tháng 12/2017 là 2.000.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng 1 lần. Buộc anh B phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 01/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi là 1.500.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] *Về tài sản chung, vay nợ, công sức*: Anh B, chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: Anh B khởi kiện vụ án HNGĐ nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và chịu 300.000 đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

1- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Khúc Văn B được ly hôn chị Vũ Thị H.

2- Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Vũ Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Khúc Vũ Minh A, sinh ngày 06/11/2015.

Công nhận sự tự nguyện của anh Khúc Văn B về việc cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 3/2017 đến tháng 12/2017 là 2.000.000 đồng/tháng (10 tháng = 20.000.000 đồng). Phương thức cấp dưỡng một lần.

Buộc anh Khúc Văn B phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 01/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi là 1.500.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Anh Khúc Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

3- Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh B, chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

4- Về án phí: Anh Khúc Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, cộng = 600.000 đồng, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện theo biên lai số AB/2014/0004030 ngày 09/02/2017. Anh B còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

Anh Khúc Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Vũ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Miện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- UBND xã T.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Quyên